

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HS-ST
Ngày: 01-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sỹ Trinh – Giáo viên trường trung học cơ sở Tân Phú

2. Ông Nguyễn Văn Anh – Bí thư đoàn phường Tân Phú

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX ngày 11/4/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 17/10/2018 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: LÂM NGỌC H; sinh năm 11/10/2000; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông: Lâm V, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay.

2.Họ và tên: PHẠM ĐỨC T; sinh năm 11/08/2000; Tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp 6, xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Phạm Mạnh T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1981; Tiền án; Tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3.Người bào chữa:

- Bà Hoàng Thị H -Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước, bào chữa cho bị cáo Huy, có mặt

- Ông Ngô Quốc Ch – Luật sư, Văn phòng luật sư Quốc Tế, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước, bào chữa cho bị cáo T, có mặt

4.Người bị hại:

- Bà Trần Thị N , sinh năm 1990, có mặt
- Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1993, có mặt

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Ấp 1, xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Nguyễn Vinh Q, sinh năm 2003, người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy Th -SN: 1982; bà Trần Thị T -SN: 1984 (có đơn vắng mặt)
- Bùi Tuấn A, sinh năm 1985, có mặt
- Ông Lâm V -SN:1955, vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị T-SN:1960, có mặt.
- Ông Phạm Mạnh T -SN: 1975, vắng mặt
- Bà Phạm Thị D-SN: 1981, có mặt

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/10/2017, Lâm Ngọc H nảy sinh ý định cướp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài, H rủ Phạm Đức T cùng thực hiện với mình thì T đồng ý. Lúc này H và T đang thuê phòng số 04 nhà nghỉ “Ngọc Th” thuộc ấp 1, xã T, thị xã Đồng Xoài do chị Nguyễn Thị Kim Ph là chủ để ở. Tại đây, H và T bàn bạc nhau sẽ sử dụng 01 con dao bấm, 01 dây sạc pin điện thoại di động, dây cáp tivi có sẵn và sẽ mua thêm 01 cuộn băng keo làm công cụ để cướp tài sản, tuy nhiên lúc này H và T chưa xác định là sẽ cướp tài sản của đối tượng nào cụ thể. Đến khoảng 10 giờ ngày 03/10/2017 H và T tiếp tục bàn bạc và thống nhất sẽ đi cướp tài sản của gái bán dâm bằng cách dụ gái bán dâm đến phòng số 04 (nơi H, T đang thuê ở) và giả vờ mua dâm rồi H và T sẽ sử dụng các công cụ chuẩn bị sẵn không chế nạn nhân cướp tiền, điện thoại di động và trang sức có giá trị. Đến khoảng 11 giờ 30, H điện thoại rủ Nguyễn Vinh Q đi uống cà phê. Sau khi uống cà phê, Q chở H về phòng trọ của H gặp T thì T hỏi H “có mua băng keo chưa?” thì H nhờ Q chở đi ra tiệm tạp hóa “Thảo L” tại ấp 1, xã T, thị xã Đồng Xoài mua 01 cuộn băng keo màu trắng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, H một mình đến quán cà phê “Gọi Nh” thuộc ấp 1, xã T, thị xã Đồng Xoài. tại đây H gặp chị Trần Thị Phương N và thỏa thuận với chị N là H và một người nữa sẽ mua dâm chị N với giá 800.000Đ (tám trăm ngàn đồng) thì chị N đồng ý. Chị N điều khiển xe mô tô hiệu Atila biển số 37L1- chở H đến nhà nghỉ “Ngọc Th” để mua bán dâm. Khi đến nơi, chị N để xe tại khu vực gần quầy tiếp tân nhà nghỉ “Ngọc Th” rồi đi theo H đến phòng số 04. Đến nơi, thấy trong phòng có H và T nên chị N không vào trong phòng mà đứng trước cửa và nói H thuê thêm một phòng nữa để chị N bán dâm cho từng người một chứ không đồng ý bán dâm cùng một lúc 02 người. lúc này H đi đến dùng tay phải bịt miệng chị N rồi kéo chị N vào phòng vệ sinh bên trong phòng số 04, T khóa cửa phòng lại rồi lấy 01 con dao bấm cùng H không chế không cho chị N lên tiếng kêu cứu. H và T dùng băng keo, dây sạc pin điện thoại, dây cáp tivi bịt mắt, miệng và trói tay, chân chị N lại rồi kiểm tra người chị N nhưng không thấy có tài sản gì. Lúc H và T tra hỏi để tìm lấy tài sản của chị N thì băng keo dán miệng của chị Nam bị bung ra chị N khóc lóc và xin tha, T hỏi thì chị N nói không có tiền, chìa khóa xe thì gửi chủ nhà nghỉ, chị N nói khi đi vào chị N có dặn chủ nhà nghỉ nếu lâu không thấy chị N đi ra thì sẽ báo Công an. Nghe vậy nên H nói với T “*nó không có tiền hay*

là thả cho nó đi” thì T nói để T tính. Sau đó H lấy khăn vải màu vàng nhét vào miệng chị N rồi cùng T trói tay chị N treo lên cửa thông gió trong phòng vệ sinh nhưng không được. Lúc này T để con dao dưới nền nhà vệ sinh rồi đi ra ngoài quầy tiếp tân để lấy chìa khóa, H khóa cửa phòng và canh giữ chị N. T đi ra ngoài gặp chị Ph và yêu cầu chị Ph đưa chìa khóa xe mô tô của chị N thì chị Ph trả lời là chị không giữ chìa khóa của chị N, T quay lại đi về phòng. Do nghi ngờ hành vi bất thường của T nên chị Ph cũng đi theo phía sau T. Khi vừa mở cửa cho T thì T nói với H là đã bị phát hiện và kêu H cùng bỏ trốn, cùng lúc này chị N ở trong phòng vệ sinh kêu cứu làm H hoảng sợ nên chạy vào phòng vệ sinh dùng tay phải nhét con dao đâm 01 nhát trúng vào ngực trái của chị N rồi cầm con dao bỏ chạy ra ngoài. Ngay khi H bỏ chạy ra đến cửa phòng số 04 thì thấy chị Ph vừa đi đến và đứng tại đây, H dùng dao đâm 01 nhát trúng vào vùng bụng của chị Ph rồi tiếp tục bỏ chạy. Sau khi H bỏ chạy ra ngoài thì T cũng gom xong quần áo rồi chạy theo bỏ trốn. Chị N và chị Ph được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Th. Đến khoảng 7 giờ ngày 04/10/2017, H và T đến Công an xã T, thị xã Đồng Xoài đầu thú, giao nộp con dao đã gây án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97/KLĐG ngày 10/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

-01 xe mô tô biển số 37L..... đã qua sử dụng trị giá 8.000.000đồng (*Tám triệu đồng*).

-01 điện thoại di động hiệu iphone 5, màu trắng 16GB, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000Đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 272/2017/TgT ngày 25/10/2017 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước xác định tỉ lệ tổn thương lên cơ thể chị *Nguyễn Thị Kim Ph* do thương tích gây nên hiện tại là 31% (*Ba mươi một phần trăm*) với dấu vết tổn thương trên cơ thể như sau:

-Vết thương thấu bụng rách gan trái độ II thủng nhu mô gan đã phẫu thuật khâu gan, cầm máu. Đặt ống dẫn lưu. Hiện không di chứng.

-Sẹo dọc thượng vị phải kích thước 8 x 0,4cm sẹo dính xấu.

-Sẹo chân ống dẫn lưu vùng thượng vị trái kích thước 1,8 x 0,6cm sẹo dính

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 272/2017/TgT ngày 25/10/2017 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước xác định tỉ lệ tổn thương lên cơ thể chị *Trần Thị Phương N* do thương tích gây nên hiện tại là 03% (*Ba phần trăm*) với dấu vết tổn thương trên cơ thể như sau:

- Sẹo đường nách trước ngực trái hình ^ kích thước 3x0,2cm và 1,5x0,2cm sẹo dính.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-ĐX ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố bị cáo Lâm Ngọc H về tội “Cướp tài sản” theo d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

-Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ và mức án như sau:

Đối với bị cáo H:

Áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 52, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt bị cáo H mức án 04 đến 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”;

Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015: Phạt bị cáo H mức án từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 06 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo T: Áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 52, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt bị cáo T mức án 04 đến 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”;

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 BLTTHS: Đề nghị tiêu hủy các công cụ gây án gồm: 01 dao bấm, 01 đôi dép ghi chữ GIDA, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 02 đoạn dây điện loại 03 lõi cáp tivi, 01 đoạn dây vải màu xám đen, 01 đoạn dây vải màu xanh, 02 đoạn băng keo được dính nhiều miếng lại với nhau, 01 cuộn băng keo, 01 mảnh lưới bằng kim loại màu xanh, 02 đoạn dây nhựa màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bồi thường thêm mỗi người 10 triệu đồng, bà T mẹ bị cáo H tự nguyện đồng ý bồi thường thay bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử nghị nhận.

-Bị cáo Lâm Ngọc H, Phạm Đức T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố và thống nhất không có ý kiến gì đối với lời khai của các bị hại; những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa và lời khai của những người vắng mặt được Hội đồng xét xử công bố trước phiên tòa. Các bị cáo nói lời sau cùng xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

-Bà Hoàng Thị H bào chữa cho bị cáo H thống nhất với tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, cho bị cáo hưởng mức án 36 tháng tù và áp dụng đối với người phạm tội chưa thành niên với mức án $\frac{3}{4}$ là 27 tháng tù về tội cướp tài sản; Đối với tội cố ý gây thương tích đề nghị mức án 18 tháng tù. Tổng cộng hai tội là 45 tháng tù.

-Ông Ngô Quốc Ch bào chữa cho bị cáo T thống nhất với tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội vai trò đồng phạm thứ yếu, nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, thành khẩn khai nhận, tự nguyện ra đầu thú, phạm tội chưa đạt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có ông nội có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án 03 năm tù là phù hợp.

-Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội, bị cáo Lâm Ngọc H khai nhận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã rủ Phạm Đức T và cùng nhau bàn bạc, lên kế hoạch, chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi cướp tài sản của người bị hại. Vào khoảng 19 giờ ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại phòng trọ số 4, nhà nghỉ “Ngọc Th” thuộc xã T, thị xã Đồng Xoài bị cáo và bị cáo T đã khống chế chị N vào trong phòng, dùng băng keo, dây trói người, vải bịt miệng, dùng dao đe dọa chị N để buộc chị giao tài sản. Nhưng do chị N không có tài sản trong người nên bị cáo T ra quầy lễ tân hỏi chìa khóa xe của chị N để lục tìm tài sản trong xe, tuy nhiên bị cáo T đã bị quản lý nhà nghỉ phát hiện và đi theo, khi bị cáo mở cửa cho T vào phòng trọ thì chị N tri hô lớn tiếng, do sợ bị mọi người phát hiện bị cáo đã chạy vào dùng dao đâm chị N 01 nhát vào sườn và bỏ chạy ra cửa thì gặp chị Ph nên bị cáo dùng dao đâm 01 nhát vào bụng chị Ph để chạy trốn. Việc bị cáo đâm các bị hại là do bộc phát, không có sự bàn bạc thống nhất với bị cáo T và khi đó chỉ nhằm mục đích bỏ chạy mà không bị ai phát hiện, ngăn cản.

[2]. Bị cáo Phạm Đức T xác nhận lời khai của bị cáo H là hoàn toàn đúng. Khi khống chế lục tìm trên người chị N không có tài sản gì thì bị cáo H có nói “*Nó không có tiền hay thả nó đi*” nhưng bị cáo nói “*từ từ để tao tính*” mục đích của bị cáo là lấy chìa khóa xe của chị N để lục tìm tài sản trong cốp xe (*không có ý định lấy xe mô tô vì sợ không tiêu thụ được*), nhưng khi hỏi chìa khóa xe của chị N không được và thấy người quản lý nhà nghỉ nghi ngờ đi theo nên bị cáo chạy vào phòng nói với H là bị phát hiện rồi. Do lúc này hoảng sợ nên bị cáo lo gom đồ đạc để bỏ chạy, việc bị cáo H gây thương tích cho các bị hại thì các bị cáo hoàn toàn không bàn bạc trước nên khi H đâm bị hại thì bị cáo không biết, khi trên đường bỏ chạy thì H nói đã đâm các bị hại.

[3]. Lời khai của bị hại Trần Thị Phương N xác định lời khai các bị cáo đúng, khi H đưa tôi đến cửa phòng nhà nghỉ thì tôi có nghi ngờ nên không vào thì bị H đứng sau lưng dùng tay bóp cổ đẩy tôi vào phòng, sau đó các bị cáo trói chân tay, bịt miệng, lúc này tôi có xin các bị cáo tha nhưng không được. Khi thấy cánh cửa phòng mở thì tôi la lên nên bị H dùng dao đâm 01 nhát vào sườn trái thương tích.

[4]. Lời khai của bị hại Nguyễn Thị Kim Ph: Nhà nghỉ “Ngọc Th” là của gia đình tôi quản lý, H thuê phòng số 04 vào ngày 02/10/2017, ngày hôm sau thấy T đến và H nói là bạn đến chơi. Ngày 03/10/2017 chị N đến nhà nghỉ nhưng không gửi chìa khóa xe, do đó khi T hỏi thì tôi nói không có và đi vào trong nhà, nhưng khi đi đến cửa phòng của H thì nghe có tiếng ai la nên nhìn vào thì thấy H chạy ra, thấy chị N bị trói trong nhà tắm, tôi chạy ra ngoài tri hô mọi người thì lúc này mới phát hiện bụng chảy máu.

[5]. Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội theo nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại Trần Thị Phương N, Nguyễn Thị Kim Ph; vật chứng thu giữ tại hiện trường; bản kết luận giám định thương tích của các bị hại; phù hợp về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai trước phiên tòa. Như vậy, có cơ

sở kết luận: Ngày 03 tháng 10 năm 2017, Lâm Ngọc H và Phạm Đức T dùng dao bấm là hung khí nguy hiểm không chế, đe dọa làm cho chị Trần Thị Phương N lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của chị N, hành vi của các bị cáo H và T đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Cùng thời điểm, Lâm Ngọc H sợ bị mọi người phát hiện nên đã dùng dao bấm đâm chị Trần Thị Phương N 01 nhát vào sườn trái gây thương tích 03% và bỏ chạy ra cửa H gặp chị Nguyễn Thị Kim Ph nên tiếp tục đâm chị Ph 01 nhát vào bụng gây thương 31%. Hành vi của Lâm Ngọc H phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản c, khoản 3, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6].Xét về lỗi, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Về năng lực hành vi, mặc dù khi phạm tội các bị cáo chưa thành niên nhưng bản thân mỗi bị cáo đều học đến một trình độ nhất định nên nhận thức được hành vi không chế, đe dọa chị N nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do xem thường pháp luật, xem thường tài sản của công dân các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, hành vi đó gây nguy hiểm cho xã hội, mất trật tự trị an tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố các bị cáo H và T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với bị cáo H trong quá trình thực hiện hành vi cướp tài sản của chị N đã gây thương tích cho chị N và chị Ph, bị cáo khai nhận ý thức chủ quan của bị cáo tại thời điểm đâm các bị hại là bộc phát, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước với bị cáo T, không nhằm tước đi tính mạng của các bị hại, chỉ nhằm mục đích bỏ chạy mà không bị ai phát hiện hay cản trở việc chạy trốn của bị cáo, trong lúc đó bị cáo T đang gom đồ đạc để chạy trốn nên không biết được bị cáo H đâm các bị hại, do đó việc truy tố một mình bị cáo H về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng quy định pháp luật.

[7].Về tài sản chiếm đoạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận khi bàn bạc đi cướp tài sản thì xác định có tài sản gì lấy tài sản đó và trong lúc thực hiện hành vi không chế, đe dọa chị N thì ý thức chủ quan của các bị cáo là lấy chìa khóa xe mở cốp lấy tài sản (*không có ý định chiếm đoạt xe vì sợ không tiêu thụ được*). Trong cốp xe BS 37L1-... của chị N bao gồm 12.164.000đồng tiền mặt và chiếc điện thoại di động Iphone 5 có giá trị 1.500.000đồng, tổng là 13.664.000đồng là tài sản các bị cáo H và T nhằm mục đích chiếm đoạt, còn xe mô tô các bị cáo không có ý định chiếm đoạt, vì vậy Viện kiểm sát truy tố các bị cáo chiếm đoạt số tiền 13.664.000đồng là phù hợp. Tuy nhiên, ý định chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã không thực hiện được đến cùng nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, mặc dù vậy đối với tội “*Cướp tài sản*” là tội cấu thành về mặt hình thức, hành vi của các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, còn việc chưa chiếm được tài sản không phải là hậu quả bắt buộc, các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện.

[8].Do vụ án có đồng phạm nên cần phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở lượng hình:

Đối với Lâm Ngọc H: Qua các bản kết luận giám định pháp y tâm thần đều kết luận bị cáo không bị bệnh tâm thần, tại thời điểm gây án và hiện nay có đủ năng

lực nhận thức và điều khiển hành vi. Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện cướp tài sản là người khởi xướng, rủ bị cáo T, chuẩn bị công cụ phạm tội (*đi mua băng keo*), trực tiếp thỏa thuận và dẫn dắt chị N đến địa điểm mà các bị cáo chuẩn bị trước; không chèn chị N vào phòng cùng T trói trong nhà vệ sinh để trả hỏi về tài sản nhằm chiếm đoạt. Về hành vi gây thương tích cho các bị hại, bị cáo gây thương tích cho nhiều người, dùng dao đâm vào sườn trái chị N khi chị đang ở trong tình trạng không thể tự vệ được, khi chạy ra đến cửa phòng trọ tiếp tục đâm vào bụng chị Ph. Xét tính chất mức độ do hành vi và hậu quả của bị cáo H gây ra là rất nguy hiểm, bị cáo còn nhỏ tuổi nhưng đã có suy nghĩ và hành vi rất manh động, trực tiếp xâm phạm tài sản, sức khỏe của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ.

Đối với Phạm Đức T: Với vai trò đồng phạm cùng bàn bạc lên kế hoạch thực hiện tội phạm với bị cáo H, bị cáo chuẩn bị công cụ phạm tội là dao bấm, cùng H khống chế, đe dọa bị hại N nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị N. Khi phát hiện trên người chị N không có tài sản gì thì H có ý định chấm dứt hành vi phạm tội nhưng T không dừng lại ở đó mà cố tình đi tìm chìa khóa xe để đạt được mục đích đến cùng là chiếm đoạt tài sản, vì vậy bị cáo Tuấn cũng phải chịu mức hình phạt tương đương với bị cáo H. Hành vi của T thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người bị hại, rất nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử phạt một mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện ra đầu thú, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đối với hành vi cướp tài sản của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng và tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Đối với bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại nên áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, không nghề nghiệp, không có thu nhập gì nên không áp dụng.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài là có căn cứ nên chấp nhận.

[11]. Bà Hoàng Thị H bào chữa cho bị cáo H đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Như nhận định nêu trên tội cướp tài sản là tội phạm cấu thành hình thức và hành vi của bị cáo đã hoàn thành nên việc chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, do đó không được chấp nhận trong trường hợp này. Về các tình tiết giảm nhẹ khác mà những người bào chữa đề nghị có cơ sở nên được chấp nhận.

[12].*Trách nhiệm dân sự:*

- Bị hại Nguyễn Thị Kim Ph yêu cầu bị cáo H và gia đình bồi thường số tiền điều trị thương tích là 30 triệu đồng; tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000đồng. Tổng cộng 40.000.000đồng. Gia đình của bị cáo H đã bồi thường 30.000.000đồng.

- Bị hại Trần Thị Phương N yêu cầu bị cáo H và gia đình bồi thường số tiền điều trị thương tích tại bệnh viện có hóa đơn chứng từ là 28.000.00 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 33 triệu đồng, bị can H và gia đình bồi thường được 10.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N chỉ yêu cầu bị cáo và gia đình bồi thường thêm số tiền là 10 triệu đồng.

Tại phiên tòa bị cáo H và bà T mẹ của bị cáo đều đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Bà T đại diện gia đình đề nghị Hội đồng xét xử cho bà và ông V bồi thường thay cho bị cáo H, do đó hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Các bị hại yêu cầu sớm bồi thường là có căn cứ nên cần buộc bà T, ông V phải có trách nhiệm bồi thường ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[13].*Về vật chứng vụ án:*

- 01 xe mô tô biển số 37L1-..., điện thoại di động Iphone 5 và số tiền 12.164.000Đ (*Mười hai triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn*), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đồng Xoài đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Phương N là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 106 BLTTHS nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- 01 điện thoại di động Nokia 105; 01 điện thoại di động Masstel; 01 điện thoại di động Iphone màu đen xám, các điện thoại đều đã cũ không lên nguồn các bị cáo sử dụng phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 dao bấm dài 10cm, 01 đôi dép kích thước 27 x 11cm trên dép có ghi chữ GIDA, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 02 đoạn dây điện loại 03 lõi cáp tivi dài 11cm và 34 cm, 01 đoạn dây vải kích thước 27 x 2cm màu xám đen, 01 đoạn dây vải màu xanh kích thước 30 x 2,5cm, 02 đoạn băng keo được dính nhiều miếng lại với nhau có kích thước 23 x 6cm, 01 cuộn băng keo đã dùng dở, đường kính 12, bản rộng 5cm, 01 mảnh lưới bằng kim loại màu xanh, kích thước 46 x 19cm, 02 đoạn dây nhựa màu đen dài 20cm và 30cm là công cụ phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

[12].*Về án phí:* Án phí hình sự các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm ông V, bà T phải chịu theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án là 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Lâm Ngọc H phạm tội “*Cướp tài sản*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”; Bị cáo Phạm Đức T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 18, Điều 52, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Phạt: **Lâm Ngọc H** 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:
Phạt: Lâm Ngọc H 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:
Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo H phải chấp hành là **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2017.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 18, Điều 52, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Phạt: **Phạm Đức T** 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, khoản 2 Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bị hại Trần Thị Phương N số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Bồi thường ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105; 01 điện thoại di động Masstel; 01 điện thoại di động Iphone màu đen xám, các điện thoại đều đã cũ không lên nguồn.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao bấm dài 10cm, 01 đôi dép kích thước 27 x 11cm trên dép có ghi chữ GIDA, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 02 đoạn dây điện loại 03 lõi cáp tivi dài 11cm và 34 cm, 01 đoạn dây vải kích thước 27 x 2cm màu xám đen, 01 đoạn dây vải màu xanh kích thước 30 x 2,5cm, 02 đoạn băng keo được dính nhiều miếng lại với nhau có kích thước 23 x 6cm, 01 cuộn băng keo đã dùng dở, đường kính 12, bán rộng 5cm, 01 mảnh lưới bằng kim loại màu xanh, kích thước 46 x 19cm, 02 đoạn dây nhựa màu đen dài 20cm và 30cm.

(*Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài theo biên bản số 0001577, ngày 24/4/2018*).

[6].Án phí: Căn cứ Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án:

-Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*);

-Án phí dân sự sơ thẩm: Ông V, bà T phải chịu 1.000.000đồng

[7].Quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV27 Công an tỉnh BP;
- Sở tư pháp tỉnh BP;
- VKSND TX. Đồng Xoài;
- CCTHADS TX. Đồng Xoài;
- Công an thị xã Đồng Xoài;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)